SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
PHÚ THỌ
(Đề thi có 04 trang)

KỲ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH LỚP 12
THPT (ĐỢT 2) NĂM HỌC 2025-2026
Môn thi: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên: …….. Số báo danh: …… **Mã đề 0925**

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

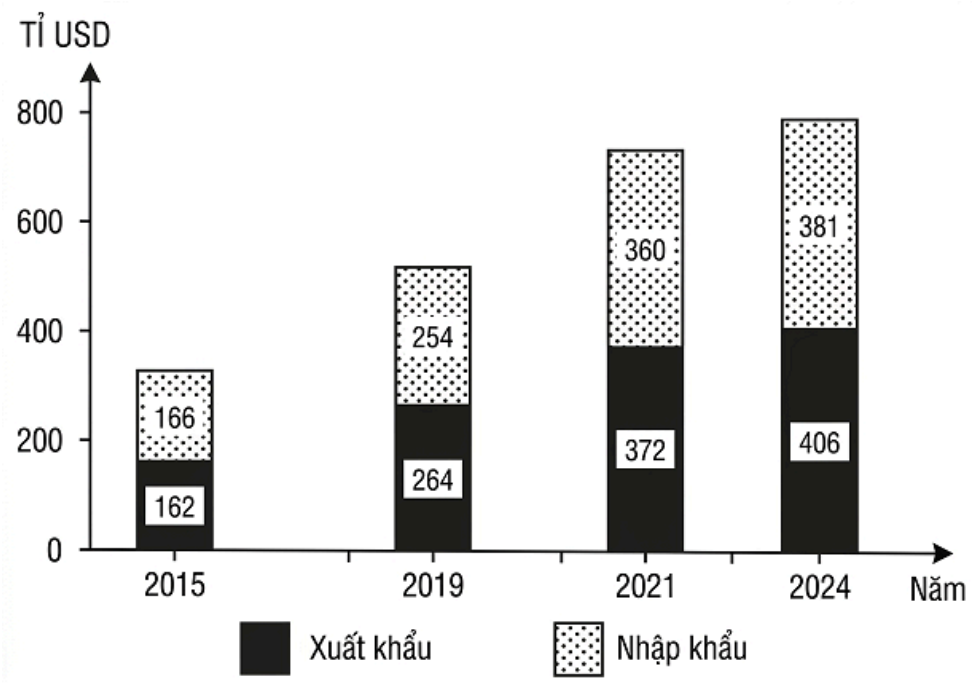
Câu 1. Giải pháp chủ yếu để nâng cao năng suất và giá trị cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long là
A. mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu, tăng diện tích đất.
B. sử dụng giống mới, đẩy mạnh thâm canh, phát triển chế biến.
C. mở rộng diện tích đất, đảm bảo nước tưới, tăng vốn đầu tư.
D. đa dạng sản xuất, phát triển chế biến, liên kết vùng sản xuất.

Câu 2. Trung du và miền núi phía Bắc là vùng
A. không tiếp giáp với biển.
B. có diện tích lớn nhất cả nước.
C. có mật độ dân số rất cao.
D. bao gồm 10 tỉnh, thành phố.

Câu 3. Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương làm cho đồng bằng Nam Bộ nước ta có
A. xuất hiện giông và bão biển.
B. mưa lớn trong đầu mùa hạ.
C. đợt nắng nóng và gió phơn.
D. xâm nhập mặn vào mùa khô.

Câu 4. Mạng lưới đường bộ của nước ta
A. ngày càng hoàn thiện.
B. chủ yếu là cao tốc.
C. chưa kết nối khu vực.
D. cần ít vốn đầu tư.

Câu 5. Cho biểu đồ:



Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2015 - 2024
(Nguồn: Số liệu theo Niên giám thống kê năm 2024, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?
A. Trị giá nhập khẩu tăng chậm hơn xuất khẩu.
B. Năm 2024 nước ta xuất siêu gần 12 tỉ USD.
C. Tỉ trọng xuất khẩu giảm qua các năm.
D. Trị giá xuất khẩu tăng ít hơn nhập khẩu.

Câu 6. Thế mạnh chủ yếu để phát triển đánh bắt hải sản ở Nam Trung Bộ là
A. vùng thềm lục địa sâu.
B. có nhiều ngư trường lớn.
C. khí hậu nóng quanh năm.
D. ven bờ có nhiều vũng vịnh.

Câu 7. Các cây trồng nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm?

A. Mía, cao su. **B.** Điều, hồ tiêu. **C.** Lạc, đậu tương. **D.** Chè, cà phê.

Câu 8. Dân số của nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

A. Mật độ dân số thấp. **B.** Quy mô dân số giảm. **C.** Cơ cấu dân số già. **D.** Quy mô dân số lớn.

Câu 9. Hiện nay, các tỉnh nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

A. Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Ninh. **B.** Bắc Ninh, Lạng Sơn, Ninh Bình.

C. Tuyên Quang, Phú Thọ, Hưng Yên. **D.** Thái Nguyên, Bắc Ninh, Ninh Bình.

Câu 10. Vùng nào sau đây có tỉ lệ dân thành thị cao nhất nước ta hiện nay?

A. Bắc Trung Bộ. **B.** Đông Nam Bộ. **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Nam Trung Bộ.

Câu 11. Nước ta có vị trí ở

A. trung tâm châu Á. **B.** lục địa Á-Âu. **C.** vùng ôn đới. **D.** vùng ít thiên tai.

Câu 12. Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay

A. chỉ có khai khoáng. **B.** có rất ít sản phẩm. **C.** thu hút nhiều đầu tư. **D.** đều khắp ở đồi núi.

Câu 13. Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong phát triển thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

A. không khai thác ven bờ, mở rộng các ngư trường xa khơi.

B. khai thác hợp lí, bảo vệ nguồn lợi và môi trường biển đảo.

C. mở rộng khai thác, hạn chế nuôi trồng, đẩy mạnh chế biến.

D. hạn chế thời gian khai thác, bảo tồn trữ lượng nguồn lợi.

Câu 14. Nam Bộ có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất nước ta, chủ yếu do

A. khí hậu nóng ẩm, thềm lục địa rộng và nông, nhiều cửa sông.

B. thềm lục địa nông, bờ biển và hải lưu ổn định, nhiều phù sa.

C. khí hậu cận xích đạo, bờ biển dài, rừng được quản lí chặt chẽ.

D. có nhiều đầm phá và cửa sông lớn, chế độ thủy triều ổn định.

Câu 15. Số lượt khách du lịch nội địa ở nước ta tăng nhanh chủ yếu do

A. mức sống của người dân được nâng cao. **B.** tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng.

C. cơ sở hạ tầng ngày càng được đồng bộ. **D.** đẩy mạnh quảng bá và hợp tác quốc tế.

Câu 16. Khó khăn lớn nhất đối với ngành trồng trọt ở Đông Nam Bộ là

A. đất đai kém màu mỡ. **B.** sạt lở vùng ven biển. **C.** có nền nhiệt độ cao. **D.** có mùa khô sâu sắc.

Câu 17. Biện pháp nào sau đây để hạn chế ô nhiễm không khí ở nước ta?

A. Tăng khai thác rừng. **B.** Thay đổi cây trồng. **C.** Mở rộng làng nghề. **D.** Kiểm soát phát thải.

Câu 18. Nhóm hàng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu trị giá hàng nhập khẩu của nước ta là

A. hàng tiêu dùng. **B.** hàng nông sản. **C.** tư liệu sản xuất. **D.** nguyên liệu thô.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đặc trưng về khí hậu của miền là sự giảm sút ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nhiệt độ trung bình năm tăng dần và biên độ nhiệt giảm dần từ bắc vào nam. Có địa hình núi cao, bị chia cắt và hiểm trở nhất nước ta. Các dãy núi lớn có hướng tây bắc - đông nam, xen kẽ là các thung lũng sông cùng hướng, cao nguyên đá vôi,... Khí hậu và địa hình có tác động sâu sắc tới các thành phần tự nhiên khác của miền.

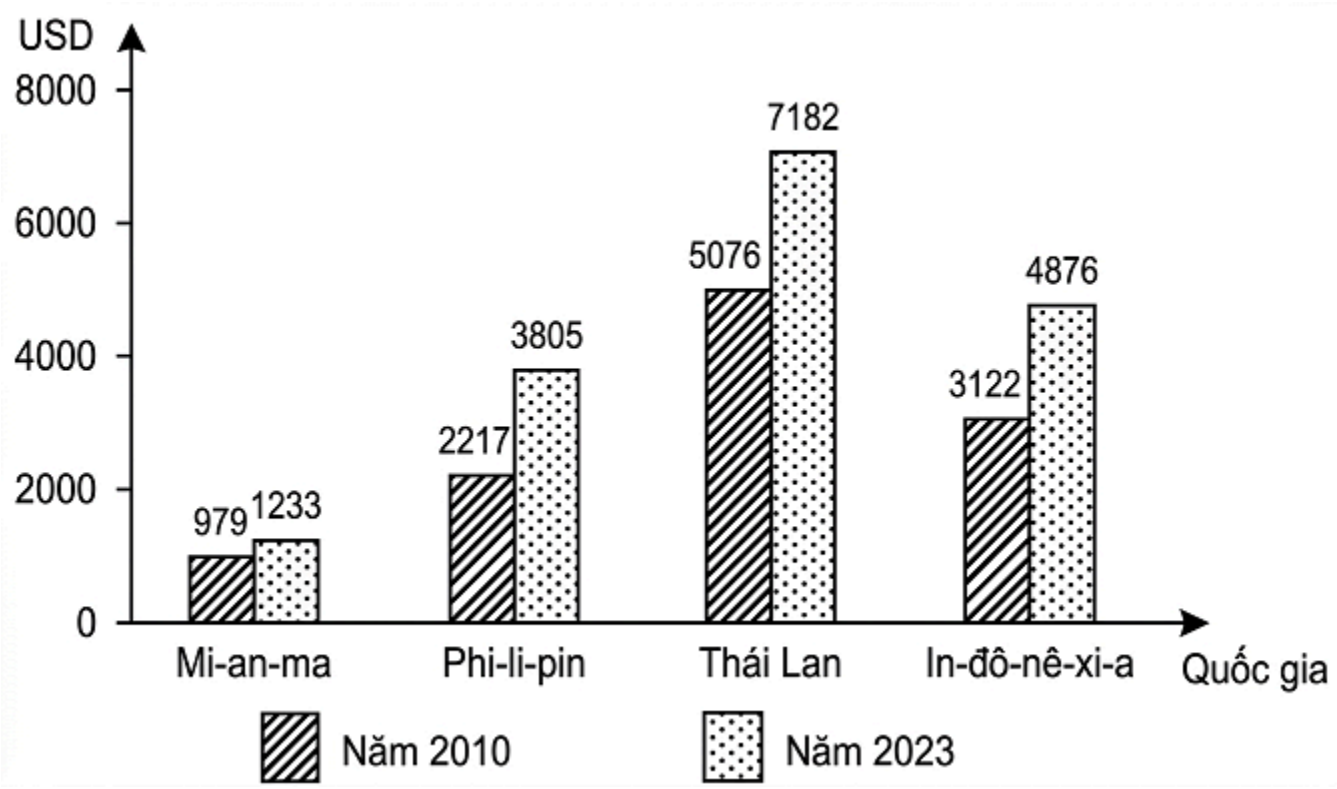
a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

b) Thành phần loài thực vật của miền chủ yếu là các loài cận nhiệt đới và ôn đới.

c) Dạng địa hình các-xtơ khá phổ biến chủ yếu do miền có nền nhiệt ẩm dồi dào và nhiều cao nguyên đá vôi.

d) Đất mùn là chủ yếu, do miền có địa hình phần lớn là đồi núi, thực vật phong phú và nền nhiệt độ cao.

Câu 2. Cho biểu đồ:



Bình quân GDP/đầu người của một số quốc gia năm 2010 và năm 2023

(Nguồn: Số liệu theo Niên giám thống kê năm 2024, Nxb Thống kê)

a) Năm 2023 so với năm 2010, bình quân GDP/đầu người của In-đô-nê-xi-a tăng nhanh nhất và cũng tăng nhiều nhất.

b) Năm 2023 so với năm 2010, bình quân GDP/đầu người của Mi-an-ma tăng chậm nhất và cũng tăng ít nhất.

c) Bình quân GDP/đầu người của các quốc gia khác nhau chủ yếu là do khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động và quy mô dân số.

d) Năm 2023 các quốc gia đều có bình quân GDP/đầu người tăng so với năm 2010.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Biến đổi khí hậu đang tác động mạnh đến Đồng bằng sông Cửu Long, thể hiện qua mực nước biển dâng, gia tăng xâm nhập mặn và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Điều này làm suy giảm diện tích đất canh tác, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư. Vì vậy, cần tăng cường các biện pháp thích ứng như chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lí tài nguyên nước hiệu quả.

a) Biến đổi khí hậu làm gia tăng xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Đẩy mạnh khai thác nước ngầm quy mô lớn để chống hạn và xâm nhập mặn, xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ được xem là các biện pháp hiệu quả lâu dài ở Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Tăng cường xây dựng đê bao khép kín để ngăn mặn hoàn toàn trên diện rộng được coi là hướng phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long.

d) Việc chuyển đổi từ trồng lúa sang mô hình lúa - tôm ở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long giúp thích ứng với xâm nhập mặn và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Hoạt động ngoại thương của nước ta phát triển mạnh. Xuất khẩu với quy mô ngày càng lớn. Cơ cấu hàng xuất khẩu chuyển dịch theo hướng tích cực. Việc tham gia nhiều hiệp định thương mại đã tạo điều kiện để mở rộng thị trường và hợp tác quốc tế. Việt Nam dần khẳng định vị thế thương mại, điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp trên khắp thế giới.

a) Việc chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu tạo điều kiện để hàng hóa nước ta tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

b) Vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên là điều kiện quan trọng để đáp ứng các tiêu chuẩn toàn cầu trong phát triển thương mại nước ta.

c) Trình độ phát triển kinh tế và chính sách phát triển kinh tế tác động đến quy mô và cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta.

d) Cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng nhóm hàng chế biến, tăng tỉ trọng nhóm hàng sơ chế.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Doanh thu hoạt động bưu chính, viễn thông của nước ta năm 2015 và năm 2024

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	Bưu chính	Viễn thông
2015	11,0	283,9
2024	38,9	358,4

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2015, 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết chênh lệch tốc độ tăng trưởng năm 2024 so với năm 2015 giữa doanh thu bưu chính với doanh thu viễn thông của nước ta là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Năm 2025, tổng số dân vùng Nam Trung Bộ là 15,9 triệu người, tỉ lệ dân nông thôn nhiều hơn tỉ lệ dân thành thị là 29%. Hãy cho biết số dân nông thôn của Nam Trung Bộ năm 2025 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Năm 2024, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta là 0,79%, tỉ suất tử thô là 5,6‰. Hãy cho biết tỉ suất sinh thô năm 2024 của nước ta là bao nhiêu ‰ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng của Hà Nội và Huế năm 2023

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Huế	19,7	20,9	23,2	26,0	28,0	29,2	29,4	28,8	27,0	25,1	23,2	20,8

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2023, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của Huế cao hơn Hà Nội là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 5. Năm 2024, doanh thu du lịch lữ hành của nước ta là 78990,5 tỉ đồng, trong đó doanh thu của vùng Đồng bằng sông Hồng là 29635,8 tỉ đồng, Đông Nam Bộ là 32412,3 tỉ đồng. Hãy cho biết tỉ trọng doanh thu du lịch lữ hành của Đông Nam Bộ lớn hơn Đồng bằng sông Hồng bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Cho bảng số liệu

Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại trạm Hà Nội năm 2023

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1455	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3507	2240	1517

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2023, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết tại trạm Hà Nội năm 2023, chênh lệch lưu lượng nước trung bình tháng lớn nhất và tháng nhỏ nhất là bao nhiêu m^3/s.

---------- HẾT ----------

(Thí sinh không sử dụng tài liệu, Giám thị không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	B	B	B	A	A	B	C	D	A	B	B	C	B	A	A	D	D	C

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng/sai

Câu	a	b	c	d
1	Sai	Sai	Đúng	Sai
2	Sai	Đúng	Đúng	Đúng

3	Đúng	Sai	Sai	Đúng
4	Đúng	Sai	Đúng	Sai

PHẦN III. Trả lời ngắn

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	227%	10,3 triệu người	13,5‰	1,62°C	3,5%	6085 m^3/s

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: B

Đề hỏi giải pháp **chủ yếu để nâng cao năng suất và giá trị cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long**.

- Muốn **nâng cao năng suất**, cần dùng **giống mới**, đẩy mạnh **thâm canh**, áp dụng kĩ thuật.
- Muốn **nâng cao giá trị**, cần gắn với **chế biến**.

Phương án **B** đầy đủ nhất.

- A thiên về thị trường, thương hiệu, mở rộng đất, chưa trực tiếp làm tăng năng suất là chính.
- C thiên về mở rộng diện tích, trong khi hiện nay trọng tâm là **nâng cao hiệu quả trên diện tích đang có**.
- D đúng một phần nhưng chưa thể hiện rõ giải pháp trực tiếp nâng cao **năng suất** bằng giống và thâm canh.

Chọn B.

Câu 2: B

Trung du và miền núi phía Bắc là vùng:

- Có **diện tích lớn nhất cả nước**.
- Vùng này **có giáp biển** qua Quảng Ninh nên A sai.
- Mật độ dân số không phải rất cao nên C sai.
- Số tỉnh, thành phố không phải 10 nên D sai.

Chọn B.

Câu 3: B

Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương chính là nguồn gió mùa Tây Nam đầu mùa hạ, gây:

- **mưa lớn vào đầu mùa hạ** ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

- A không đúng bản chất chính.
- C là đặc trưng của gió phơn ở Trung Bộ.
- D liên quan mùa khô và xâm nhập mặn, không phải tác động trực tiếp của khối khí này.

Chọn B.

Câu 4: A

Mạng lưới đường bộ nước ta hiện nay:

- đang **ngày càng hoàn thiện**,
- mở rộng kết nối vùng, liên vùng và quốc tế.
- B sai vì chưa phải chủ yếu là cao tốc.
- C sai vì thực tế đang tăng cường kết nối.
- D sai vì giao thông đường bộ cần vốn đầu tư lớn.

Chọn A.

Câu 5: A

Từ biểu đồ:

- 2015: xuất khẩu 162, nhập khẩu 166.
- 2019: xuất khẩu 264, nhập khẩu 254.
- 2023: xuất khẩu 372, nhập khẩu 360.
- 2024: xuất khẩu 406, nhập khẩu 381.

Xét mức tăng giai đoạn 2015–2024:

- Xuất khẩu tăng: 406 - 162 = 244 tỉ USD.
- Nhập khẩu tăng: 381 - 166 = 215 tỉ USD.

Vậy **nhập khẩu tăng chậm hơn xuất khẩu**.

Kiểm tra các phương án khác:

- B sai vì năm 2024 xuất siêu là 406 - 381 = 25 tỉ USD, không phải gần 12.
- C sai vì tỉ trọng xuất khẩu không giảm liên tục.
- D sai vì xuất khẩu tăng **nhiều hơn** nhập khẩu.

Chọn A.

Câu 6: B

Thế mạnh chủ yếu để phát triển **đánh bắt hải sản** ở Nam Trung Bộ là:

- có **nhiều ngư trường lớn**,
- vùng biển giàu tiềm năng hải sản.
- A không phải thế mạnh chủ yếu.
- C không quyết định trực tiếp đến đánh bắt.
- D thuận lợi cho xây dựng cảng, neo đậu tàu thuyền nhiều hơn.

Chọn B.

Câu 7: C

Cây công nghiệp hàng năm là cây có chu kì sinh trưởng ngắn.

- **Lạc, đậu tương** là cây công nghiệp hàng năm.
- Mía là hàng năm nhưng cao su là lâu năm.
- Điều, hồ tiêu, chè, cà phê đều là cây lâu năm.

Chọn C.

Câu 8: D

Dân số nước ta hiện nay có đặc điểm nổi bật là:

- **quy mô dân số lớn**.
- A sai vì mật độ dân số nước ta khá cao.
- B sai vì quy mô dân số không giảm.
- C sai vì nước ta đang trong quá trình già hóa, nhưng chưa thể khái quát là "cơ cấu dân số già" như phương án nêu.

Chọn D.

Câu 9: A

Các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng trong các phương án là:

- **Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Ninh**.

Các phương án khác chứa tỉnh thuộc trung du hoặc miền núi như Lạng Sơn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Thái Nguyên.

Chọn A.

Câu 10: B

Vùng có tỉ lệ dân thành thị cao nhất nước ta là **Đông Nam Bộ** vì:

- công nghiệp, dịch vụ phát triển mạnh,
- tập trung nhiều đô thị lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

Chọn B.

Câu 11: B

Nước ta có vị trí ở **lục địa Á - Âu**, thuộc khu vực Đông Nam Á.

- A sai vì không ở trung tâm châu Á.
- C sai vì không thuộc vùng ôn đới.
- D sai vì nước ta là vùng thường xuyên chịu thiên tai.

Chọn B.

Câu 12: C

Ngành công nghiệp nước ta hiện nay:

- **thu hút nhiều đầu tư**, nhất là đầu tư trong nước và nước ngoài.
- A sai vì không chỉ có khai khoáng.
- B sai vì sản phẩm công nghiệp rất đa dạng.
- D sai vì công nghiệp không phân bố đều khắp ở đồi núi.

Chọn C.

Câu 13: B

Trong phát triển thủy sản ở Bắc Trung Bộ, vấn đề đặc biệt cần chú ý là:

- **khai thác hợp lí, bảo vệ nguồn lợi và môi trường biển đảo**.

Vì khu vực ven biển dễ bị suy giảm nguồn lợi nếu khai thác quá mức.

Chọn B.

Câu 14: A

Nam Bộ có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất nước ta chủ yếu do:

- khí hậu nóng ẩm,
- thềm lục địa rộng, nông,
- nhiều cửa sông, nhiều phù sa.

Đây là điều kiện rất thuận lợi cho rừng ngập mặn phát triển.

Chọn A.

Câu 15: A

Số lượt khách du lịch nội địa tăng nhanh chủ yếu do:

- **mức sống người dân được nâng cao**,
- nhu cầu nghỉ ngơi, tham quan, trải nghiệm tăng.

Các yếu tố khác cũng có tác động nhưng không phải nguyên nhân chủ yếu nhất.

Chọn A.

Câu 16: D

Khó khăn lớn nhất với trồng trọt ở Đông Nam Bộ là:

- **mùa khô sâu sắc**, kéo dài,
- thiếu nước cho sản xuất.
- A không đúng vì vùng có nhiều đất badan, đất xám, không thể khái quát là kém màu mỡ nhất.
- B không phải khó khăn lớn nhất của toàn vùng.
- C nền nhiệt cao lại là thuận lợi.

Chọn D.

Câu 17: D

Biện pháp hiệu quả để hạn chế ô nhiễm không khí là:

- **kiểm soát phát thải** từ công nghiệp, giao thông, sinh hoạt.

Các phương án khác không trực tiếp hoặc còn có thể làm ô nhiễm tăng.

Chọn D.

Câu 18: C

Nhóm hàng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu trị giá hàng nhập khẩu của nước ta là:

- **tư liệu sản xuất**.

Đây là đặc điểm quen thuộc của nền kinh tế đang công nghiệp hóa: nhập nhiều máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu.

Chọn C.

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai

Câu 1

Thông tin mô tả miền có đặc điểm:

- giảm ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc,
- nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ bắc vào nam,
- địa hình núi cao, hiểm trở nhất nước ta,
- hướng núi chủ yếu tây bắc – đông nam.

Đây là **miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ**.

a) Sai

Vì nội dung trên **không phải** đặc điểm của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, mà là của **miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ**.

b) Sai

Miền này vẫn mang tính **nhiệt đới** là chủ yếu. Các loài cận nhiệt và ôn đới chỉ phát triển rõ ở nơi núi cao. Vì vậy không thể nói thành phần loài thực vật chủ yếu là cận nhiệt và ôn đới.

c) Đúng

Địa hình các-xtơ phổ biến do:

- khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, thuận lợi cho quá trình hòa tan đá vôi,
- có nhiều vùng núi đá vôi, cao nguyên đá vôi.

d) Sai

Đất chủ yếu của miền không phải đất mùn mà là **đất feralit**. Đất mùn chỉ phổ biến ở vùng núi cao.

Kết luận câu 1:
a) Sai; b) Sai; c) Đúng; d) Sai.

Câu 2

Bảng số liệu GDP/người:

- Mi-an-ma: $979 \to 1233$
- Phi-li-pin: $2217 \to 3805$
- Thái Lan: $5076 \to 7182$
- In-đô-nê-xi-a: $3122 \to 4876$

a) Sai

Tính mức tăng tuyệt đối:

- Mi-an-ma: $1233 - 979 = 254$
- Phi-li-pin: $3805 - 2217 = 1588$
- Thái Lan: $7182 - 5076 = 2106$
- In-đô-nê-xi-a: $4876 - 3122 = 1754$

Tăng nhiều nhất là **Thái Lan**, không phải In-đô-nê-xi-a.

Tính tăng tương đối:

- Mi-an-ma: $\frac{1233}{979} \approx 1,26$
- Phi-li-pin: $\frac{3805}{2217} \approx 1,72$
- Thái Lan: $\frac{7182}{5076} \approx 1,41$
- In-đô-nê-xi-a: $\frac{4876}{3122} \approx 1,56$

Tăng nhanh nhất là **Phi-li-pin**, cũng không phải In-đô-nê-xi-a.

b) Đúng

Mi-an-ma:

- tăng tuyệt đối ít nhất: 254 USD,
- tăng tương đối cũng chậm nhất.

c) Đúng

GDP/người phụ thuộc vào:

- trình độ phát triển kinh tế,
- năng suất lao động,
- quy mô dân số.

Do đó nhận định này đúng.

d) Đúng

Tất cả các nước năm 2023 đều có GDP/người cao hơn năm 2010.

Kết luận câu 2:
a) Sai; b) Đúng; c) Đúng; d) Đúng.

Câu 3

Thông tin nói về tác động của biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

a) Đúng

Mực nước biển dâng và biến đổi khí hậu làm **gia tăng xâm nhập mặn** ở Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Sai

Khai thác nước ngầm quy mô lớn không phải giải pháp bền vững lâu dài vì có thể gây:

- sụt lún đất,
- cạn kiệt nguồn nước ngầm.

Cụm tuyến dân cư vượt lũ cũng không phải giải pháp trọng tâm để xử lí xâm nhập mặn lâu dài.

c) Sai

Xây đê bao khép kín trên diện rộng để ngăn mặn hoàn toàn không phải hướng phát triển bền vững, vì:

- làm thay đổi quy luật tự nhiên,
- ảnh hưởng trao đổi nước, phù sa, sinh thái,

• chi phí lớn, hiệu quả lâu dài không cao.

d) Đúng

Mô hình **lúa – tôm** ở vùng ven biển:

• thích ứng tốt với điều kiện xâm nhập mặn,

• đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn ở nhiều nơi.

Kết luận câu 3:
a) Đúng; b) Sai; c) Sai; d) Đúng.

Câu 4

Thông tin nói về sự phát triển ngoại thương của nước ta.

a) Đúng

Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng tích cực giúp hàng hóa nước ta:

• tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu,

• tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

b) Sai

Vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên là điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại, nhưng để **đáp ứng tiêu chuẩn toàn cầu** thì quan trọng hơn là:

• công nghệ,

• quản lí,

• chất lượng sản phẩm,

• chính sách phát triển.

c) Đúng

Trình độ phát triển kinh tế và chính sách phát triển tác động trực tiếp đến:

• quy mô xuất khẩu,

• cơ cấu hàng xuất khẩu.

d) Sai

Cơ cấu hàng xuất khẩu nước ta thực tế chuyển dịch theo hướng:

• **tăng tỉ trọng hàng chế biến**,

- **giảm tỉ trọng hàng thô và sơ chế**.

Phương án d nêu ngược lại.

Kết luận câu 4:
a) Đúng; b) Sai; c) Đúng; d) Sai.

PHẦN III. Trả lời ngắn

Câu 1

Doanh thu:

- Bưu chính: $11,0 \to 38,9$
- Viễn thông: $283,9 \to 358,4$

Tốc độ tăng trưởng năm 2024 so với 2015:

- Bưu chính: $\frac{38,9}{11,0} \times 100 \approx 353,6\%$
- Viễn thông: $\frac{358,4}{283,9} \times 100 \approx 126,2\%$

Chênh lệch: $;353,6 - 126,2 = 227,4\%$

Làm tròn đến hàng đơn vị: **227%**

Câu 2

Gọi tỉ lệ dân nông thôn là x%, dân thành thị là y%.

Ta có:

- $x + y = 100$
- $x - y = 29$

Suy ra:

- $2x = 129$
- $x = 64,5\%$

Số dân nông thôn: $15,9 \times 64,5\% = 15,9 \times 0,645 = 10,255$ triệu người

Làm tròn đến 1 chữ số thập phân:

10,3 triệu người

Câu 3

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên: $0,79\% = 7,9$

Ta có:

Tỉ suất gia tăng tự nhiên = Tỉ suất sinh thô - Tỉ suất tử thô

Suy ra:

Tỉ suất sinh thô $= 7,9 + 5,6 = 13,5$

Đáp án: 13,5‰

Câu 4

Nhiệt độ trung bình năm = tổng nhiệt độ 12 tháng chia 12.

Hà Nội

Tổng:

$$16,4 + 17,0 + 20,2 + 23,7 + 27,3 + 28,8 + 28,9 + 28,2 + 27,2 + 24,6 + 21,4 + 18,2 = 281,9$$

Trung bình năm: $\frac{281,9}{12} \approx 23,49^{\circ}C$

Huế

Tổng: $19,7 + 20,9 + 23,2 + 26,0 + 28,0 + 29,2 + 29,4 + 28,8 + 27,0 + 25,1 + 23,2 + 20,8 = 301,3$

Trung bình năm: $\frac{301,3}{12} \approx 25,11^{\circ}C$

Chênh lệch: $25,11 - 23,49 = 1,62^{\circ}C$

Đáp án: 1,62°C

Câu 5

Hiệu doanh thu giữa Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng:

$32412,3 - 29635,8 = 2776,5$ tỉ đồng

Tỉ trọng chênh lệch trong tổng số cả nước: $\frac{2776,5}{78990,5} \times 100 \approx 3,5\%$

Đáp án: 3,5%

Câu 6

Dãy số lưu lượng nước:

$1455,;1343,;1215,;1522,;2403,;4214,;7300,;7266,;5181,;3507,;2240,;1517$

- Lớn nhất: 7300 m^3/s
- Nhỏ nhất: 1215 m^3/s

Chênh lệch: $7300 - 1215 = 6085$ m^3/s

Đáp án: 6085 m^3/s